

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+P9	7:25	21+1	0+0		14+8	0+0	
2		P3+BK3+BK4	7:25	4+5+13	0+0+0		4+5+7	0+0+0	
3		P11+AMD	7:25	22+0	0		17+1	0	
4		PVD8+P4	9:25	20+0	0+0		17+3	0+0	
5		P9	9:25	22	0		22	0	
6		CTC1+P2 P11	9:25	2+19	0+0		2+18	0+0	
7		BK4+BK10+ P11	12:00	17+4+0	0+0+0		12+5+1	0+0+0	
8		BK14+P10	12:00	4+18	0+0		0+22	0+0	
9		PVD8+P5	14:00	13+6	0+0		0+5	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày BK4-9ng, P10-4ng, P11-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P10 - P9	CREW: HUNG - N.ANH - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0286	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ QUANG HIÊN	P10	91	1	6	3	40	75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THẮNG	P10	48	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HỮU DUNG	P10	88-89	2	17	2	21	84	KH-THAC	Vietnamese
4	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	P10	58	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	52	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TUẤN AN	P10	49	1	11			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CANH TÂN	P10	98	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ XUÂN HẠO	P10						75	NIPI	Vietnamese
9	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P10	44	1	4			76	NIPI	Vietnamese
10	PHAN VĂN THỊNH	P10	87	1	6			71	NIPI	Vietnamese
11	LUƠNG CÔNG ĐẠT	P10	59-60	2	13			65	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÀ	P10	62	1	11			78	KHAITHAC	Vietnamese
13	BUI SỸ LONG	P10	94	1	7			81	KHAITHAC	Vietnamese
14	LÊ TRI HẢO	P10	92-93	2	6			69	KHAITHAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P10	46-47	2	10			59	KHAITHAC	Vietnamese
16	VŨ THANH DANH	P10	28	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	P10	95	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN BAO TOÀN	P10	50-51	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH CÔNG VĂN	P10	45	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THANH DUNG	P10	90	1	6			95	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN HINH	P10	61	1	10			90	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ VĂN TIỀN	P9	07	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	21	1.557	25	153	5	61	14		
2	P9	1	68	1	5	0	0	8		
TOTAL		22	1.625	26	158	5	61	22		
WEIGHT KG			1.625		158		61			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P3 - BK3 - BK4	CREW: VIỆT - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0290	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM DUY PHƯƠNG	P3	73-74	2	19			49	TRƯỜNG V	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG TIẾN	P3	59	1	6			68	TRƯỜNG V	Vietnamese
3	TRƯỜNG HỮU VƯƠNG	P3	60	1	16			77	TRƯỜNG V	Vietnamese
4	DO VAN THANH	P3	61	1	19			47	TRƯỜNG V	Vietnamese
5	VŨ VĂN NAM	BK3	48	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CÔNG VINH*	BK3	50	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHUNG CÔNG DŨ	BK3	49	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ ĐÌNH LỘC	BK3	47	1	5	2	30	78	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN NGUYỄN	BK3	46	1	6			68	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀI VŨ	BK4				2	35	64	D-HANH	Vietnamese
11	HOANG ANH TU*	BK4						70	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK4	37-38	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	BK4	36	1	2			79	KH-THAC	Vietnamese
14	KPAMAPEHKO B.B.	BK4	40	1	2			66	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN QUANG THĂNG	BK4						76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ HUNG HẢI	BK4						75	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HOÀ	BK4						91	NIPI	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN THĂNG	BK4						70	NIPI	Vietnamese
19	VŨ TIẾN NGỌC	BK4						83	DK9	Vietnamese
20	LÊ VŨ MẠNH CƯỜNG	BK4	39	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG ĐẶN	BK4	45-46	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀ*	BK4	47	1	12			61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	4	241	5	60	0	0	4		
2	BK3	5	354	5	32	2	30	5		
3	BK4	13	939	8	42	2	35	7		
TOTAL		22	1.534	18	134	4	65	16		
WEIGHT KG			1.534		134		65			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỤC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P11 - AMD	CREW: ĐỨC - KHANH - ĐANG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0293	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HUYNH CHANH PHAT	P11	22	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC TAN	P11	87	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO MINH PHUONG	P11	42	1	12			90	ANTOAN	Vietnamese
4	PHAM HONG QUAN	P11	65-66	2	15			76	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC ANH	P11	63,98,200	3	13			78	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TUAN	P11						80	DK9	Vietnamese
7	NGUYEN DOAN ĐỨC	P11	89	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAO TRUNG KIEN	P11	64	1	16	3	33	76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CONG LUAN	P11	25-26	2	6			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG BANG	P11	28,78	2	7			70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐAO THIEN THUAT	P11	61	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TRONG ĐỨC	P11	90-91	2	14			63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CONG HUY	P11	62	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LIEM	P11	88	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
15	VU PHUONG HUONG	P11	27	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG NAM PHUONG	P11	60	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HAI NAM	P11	06,14	2	20	1	24	67	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN MINH THAO	P11	61	1	14			66	DVL	Vietnamese
19	LE VAN KIEU CANH	P11	99	1	5			74	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN DINH CUONG	P11	21	1	6			75	PSV	Vietnamese
21	PHAN LE MINH TOAN	P11	13	1	8			84	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TRUNG	P11	23	1	5			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	22	1.605	28	202	4	57	17		
2	AMD	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.605	28	202	4	57	18		
WEIGHT KG			1.605		202		57			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
TRẦN ĐỨC KHANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: PVD8 - P4	CREW: VIỆT - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0291	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BAO*	PVD8	17	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
2	MAKSIMOV DMITRII.C.	PVD8	20-21,84	3	17			124	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN HOANG HÀ	PVD8	13	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG KIẾN	PVD8	14	1	9			100	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN TỈNH	PVD8	11	1	5			73	GETRACO	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	PVD8	05	1	5			60	GETRACO	Vietnamese
7	LÊ NGỌC ANH	PVD8	03	1	5	7	112	77	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NGHIÊM	PVD8	12	1	3			63	GETRACO	Vietnamese
9	ĐO XUÂN HAI*	PVD8	04	1	5			72	HT ENERGY	Vietnamese
10	PHAN VĂN HÙNG	PVD8	18	1	7			94	PVD DD	Vietnamese
11	VŨ THANH LONG	PVD8	06	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỆU	PVD8	08-09	2	6			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PVD8						77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TRỌNG HIỆU	PVD8	83	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THAI SƠN	PVD8	85	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TIẾN (11743)	PVD8	07	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TIẾN (12941)	PVD8	19	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUANG	PVD8	10	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
19	BHUMIREDDY CHENNARAMAN	PVD8	15-16	2	18			97	NHA THAU	Indian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.488	22	129	7	112	17		
2	P4	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	1.488	22	129	7	112	20		
WEIGHT KG			1.488		129		112			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

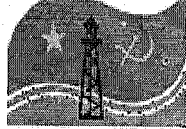
CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P9	CREW: HUNG - N.ANH - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0287	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P9	28-29	2	6			68	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	40	1	10			55	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC HOANG	P9	36-37	2	17			59	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HIỀN	P9	50	1	7			52	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUNG (21575)	P9	48	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VIỆT	P9	45	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
7	HUÀ SẦY	P9	39	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	31	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MẠNH THĂNG	P9	25	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BA KỶ	P9						78	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ BA NẾP	P9	23-24	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	46	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NAM GIANG	P9	34-35	2	13			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9	42	1	14			80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9	47	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH THÈ NHÀN	P9	30	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TUNG (15224)	P9	27	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	38	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH HUY KIỆM	P9	32-33	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	P9	26	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	P9	44	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH	P9	43	1	11			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	22	1.507	26	186	0	0	22		
TOTAL		22	1.507	26	186	0	0	22		
WEIGHT KG			1.507		186		0			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: CTC1 - P2 - P11	CREW: ĐỨC - KHANH - ĐANG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/0294	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ VIỆT HUÂN	CTC1	99	1	13	1	14	70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUANG VŨ	CTC1	33	1	15			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	69	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	67	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	P2	50	1	9			83	ANTOAN	Vietnamese
6	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	02	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN THO	P2	64	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH QUANG	P2	03	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MINH QUÂN	P2	47	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÌNH BA HOANG NAM*	P2	56	1	9			97	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC MINH	P2	70-71	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	P2	01	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	60	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	66	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH MẬU TRUNG KIẾN	P2	48-49	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI HOANG TÂM	P2	61	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGUYỄN HAI NINH	P2	62-63	2	11			85	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THIÊN NAM	P2	68	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ HUY HUNG	P2	51	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO MINH CƯỜNG	P2	45-46	2	16	1	17	91	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG ĐỨC PHONG	P2	44	1	19			87	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	2	139	2	28	1	14	2		
2	P2	19	1.411	23	152	1	17	18		
3	P11	0	0	0	0	1	47	1		
TOTAL		21	1.550	25	180	3	78	21		
WEIGHT KG			1.550		180		78			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

TRẦN ĐỨC KHANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: BK4 - BK10	CREW: DUONG - MTHAO - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/0288	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN HA	BK4	32-33	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
2	TRƯỜNG THÈ HUY	BK4	10-11	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÀO ĐÌNH CUÔNG	BK4	30	1	16			82	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG PHÚC	BK4	22	1	10	1	14	60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHƯỚC*	BK4	19-20	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ MẠNH HÙNG*	BK4	25	1	18			66	XAYLAP	Vietnamese
7	TRỊNH THANH GIANG*	BK4	15	1	19			77	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TUYẾN*	BK4	21	1	16			71	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ SƠN*	BK4	16-17	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀN CÔNG VIỆN*	BK4	08	1	10	1	12	77	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG*	BK4	28	1	11	1	16	80	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VIỆT QUANG	BK4	26-27	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÌNH HAI ĐƯƠNG	BK4	31	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
14	BÙI VĂN TUYẾN*	BK4	12	1	11			57	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN NAM	BK4	13	1	10	1	17	77	XAYLAP	Vietnamese
16	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	18	1	5			69	PSV	Vietnamese
17	NGÔ VĂN TỈNH	BK4	24	1	12			63	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN ĐỨC	BK10	11	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	10	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	12	1	7			53	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ TUẤN VIỆT*	BK10	09	1	7	4	42	69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	17	1.193	22	239	4	59	12		
2	BK10	4	259	4	24	4	42	5		
TOTAL		21	1.452	26	263	8	101	17		
WEIGHT KG			1.452		263		101			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO: BK14 - P10	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG - DTÙNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/0292	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ NGỌC TỬ	BK14	09	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	BK14	11	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN QUY	BK14	10	1	10	1	28	75	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MINH TÙNG*	BK14	38	1	17			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	83	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	80	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ LỆNH ĐẠO*	P10						82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	P10	81-82	2	13			96	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGỌC NAM	P10	29-30	2	8			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	79	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU VĂN ĐẠT	P10	84	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG SỸ NGUYỄN*	P10	85	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO VĂN HOAN*	P10	87-88	2	19			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ NGỌC THÀNH	P10	32	1	5			55	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HOANG	P10	89	1	5			58	HA VIỆT	Vietnamese
16	BUI NGỌC CŨ	P10	31	1	7			63	HA VIỆT	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH VĂN	P10	91	1	6			63	HA VIỆT	Vietnamese
18	LÊ TUẤN TỬ	P10	92	1	5			71	HA VIỆT	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC THIÊN	P10	01	1	9			42	HA VIỆT	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN BÌNH	P10	86	1	7			62	HA VIỆT	Vietnamese
21	LÊ HỮU HOA	P10	04	1	10			71	HA VIỆT	Vietnamese
22	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	P10	90	1	7			58	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	4	289	4	54	1	28	0		
2	P10	18	1.208	20	128	0	0	22		
TOTAL		22	1.497	24	182	1	28	22		
WEIGHT KG			1.497		182		28			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: PVD8 - P5	CREW: DƯƠNG - MTHAO - TOAN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/0289	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN QUANG PHƯỚC	PVD8	22	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐANG VĂN THANH	PVD8	33,85-86	3	15			70	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ DUY KHÁNH	PVD8	87	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN CUÔNG	PVD8	900	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔNG TRUNG HUY	PVD8	95	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG MINH KHANH	PVD8	94	1	13			70	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC LONG	PVD8	93	1	16			68	DVL	Vietnamese
8	ĐỖ THANH TIẾN	PVD8	96	1	15			81	DVL	Vietnamese
9	BUI QUANG ANH *	PVD8	24-25	2	22			65	XAY LAP	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC NGOC	PVD8	88-89	2	17			55	XAY LAP	Vietnamese
11	LÊ VIỆT TRƯỜNG	PVD8	90	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỊNH VINH	PVD8	23	1	10	1	15	69	XAY LAP	Vietnamese
13	NGUYEN MANH CUONG *	P5	43	1	13			103	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P5						80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VIỆT TUẤN	P5	45-46	2	12			84	CODIEN	Vietnamese
16	ĐÀO ĐỨC THIÊN	P5	44	1	20			73	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC QUÂN	P5	47	1	12	2	31	81	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC HƯƠNG	P5	42	1	9			95	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	12	852	16	135	1	15	0		
2	P5	6	516	6	66	2	31	5		
TOTAL		18	1.368	22	201	3	46	5		
WEIGHT KG			1.368		201		46			

GRAND TOTAL: 1.615 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO